



TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM



6.1. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

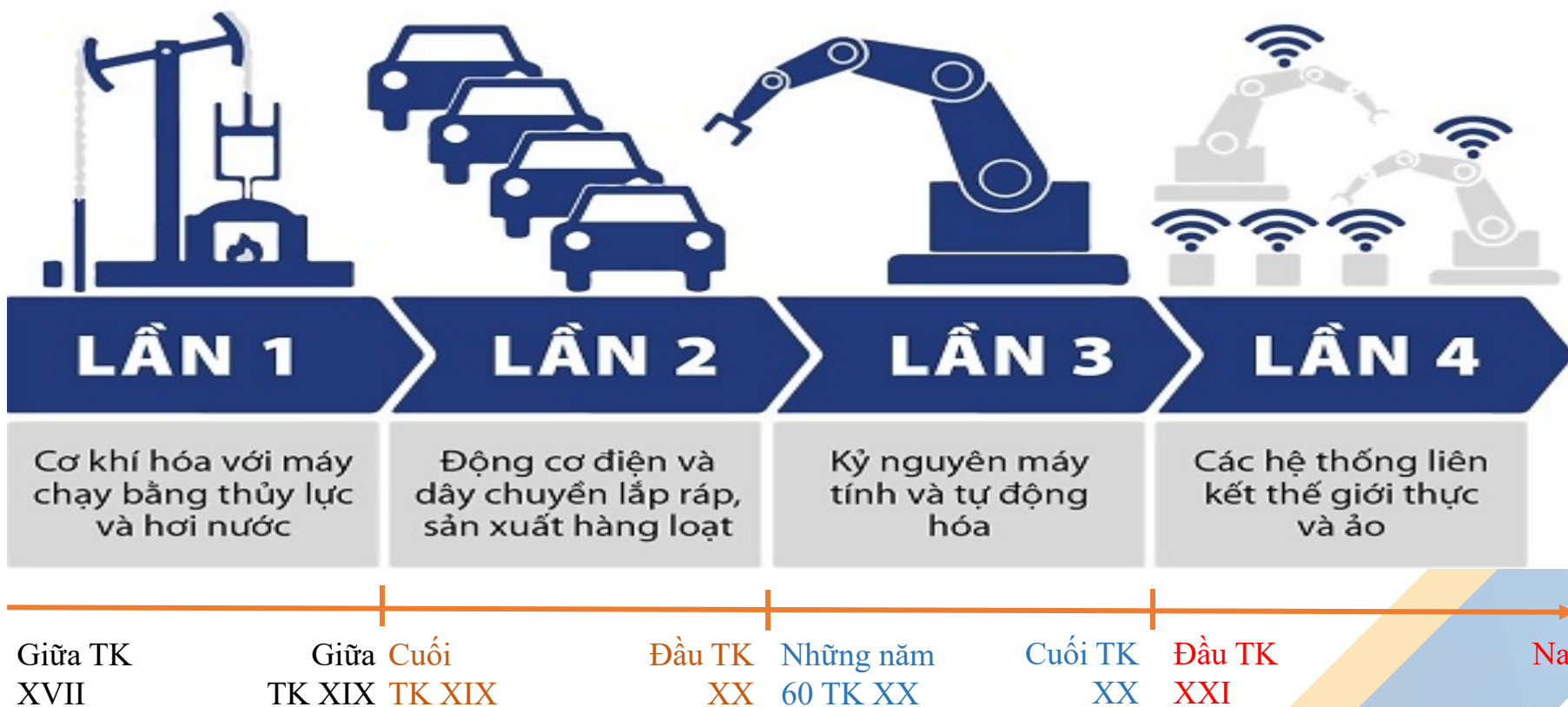




6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

Cách mạng công nghiệp là sự thay đổi căn bản, sự nhảy vọt về chất trong quá trình phát triển của quá trình sản xuất xã hội từ lao động thủ công sang lao động với kỹ thuật, công nghệ có trình độ ngày càng cao.

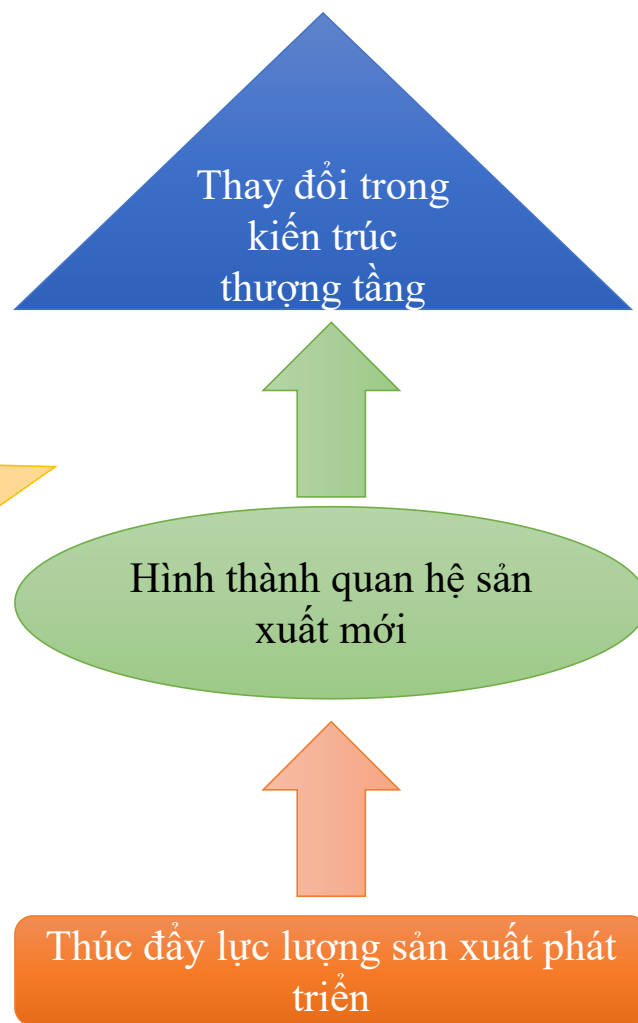
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP





6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa

Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp. [Mác t04, tr187]



- Chính trị, Văn hóa, xã hội... đều có những sự thay đổi sâu sắc

- Sự thay thế QHSX TBCN cho QHSX Phong kiến (CM CN lần thứ 1).
- Sự thay thế CNTB ĐQ cho CNTB tự do cạnh tranh (CM CN lần thứ 2).
- Sự ra đời CNTB hiện đại (CM CN lần thứ 3).

- Hàng loạt đối tượng lao động mới ra đời và phát triển (vật liệu nano, năng lượng tái tạo...)
- Trình độ kỹ thuật, công nghệ ngày càng cao.
- Tác phong, trình độ lao động được nâng lên
- Quá trình xã hội hóa sản xuất ngày càng mở rộng.



6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản và toàn diện quá trình sản xuất kinh doanh, các hoạt động dịch vụ buôn bán, quản lý kinh tế - xã hội, phương pháp tiên tiến hiện đại dựa trên sự phát triển của khoa học công nghệ và tạo ra sản phẩm năng suất lao động cao.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với sự phát triển kinh tế tri thức

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế.

ĐẶC ĐIỂM
CNH, HĐH



6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

Tính tất yếu khách quan

Cơ sở vật chất - kỹ thuật xã hội

Tổng thể những tư liệu sản xuất, những phương tiện kỹ thuật và công nghệ sản xuất mà dựa vào đó xã hội sản xuất ra của cải vật

CNXH

Nền sản xuất lớn, hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, có trình độ xã hội hoá cao dựa trên trình độ khoa học công nghệ hiện đại, được hình thành một cách có kế hoạch và thống trị trong toàn bộ nền kinh tế.

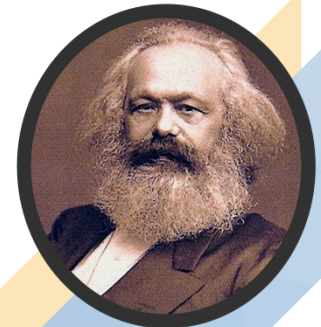
TBCN

Nền đại công nghiệp cơ khí

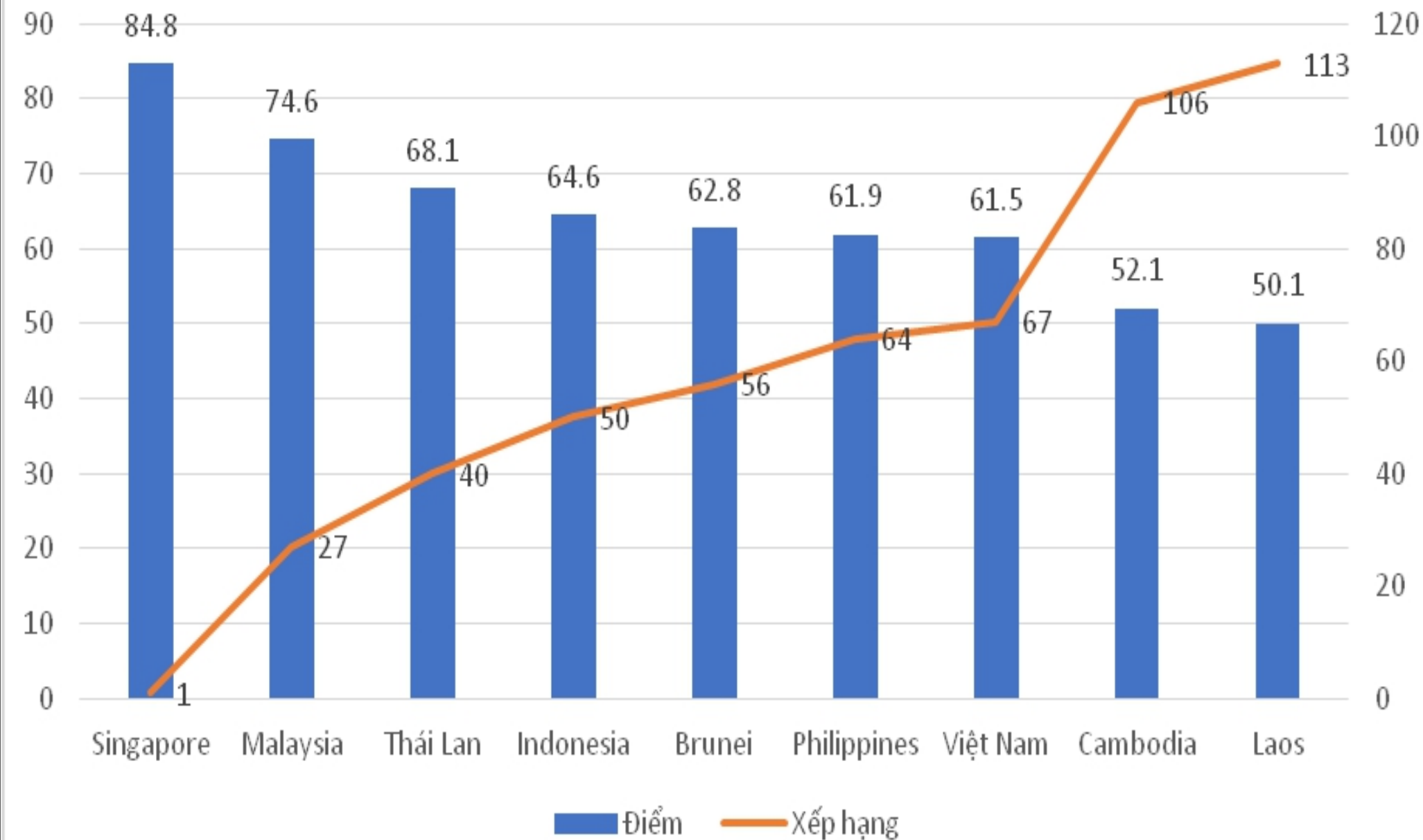
Trước
TBCN

Thủ công, quy mô nhỏ, lạc hậu

“Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào”. [Mác t23, tr269]



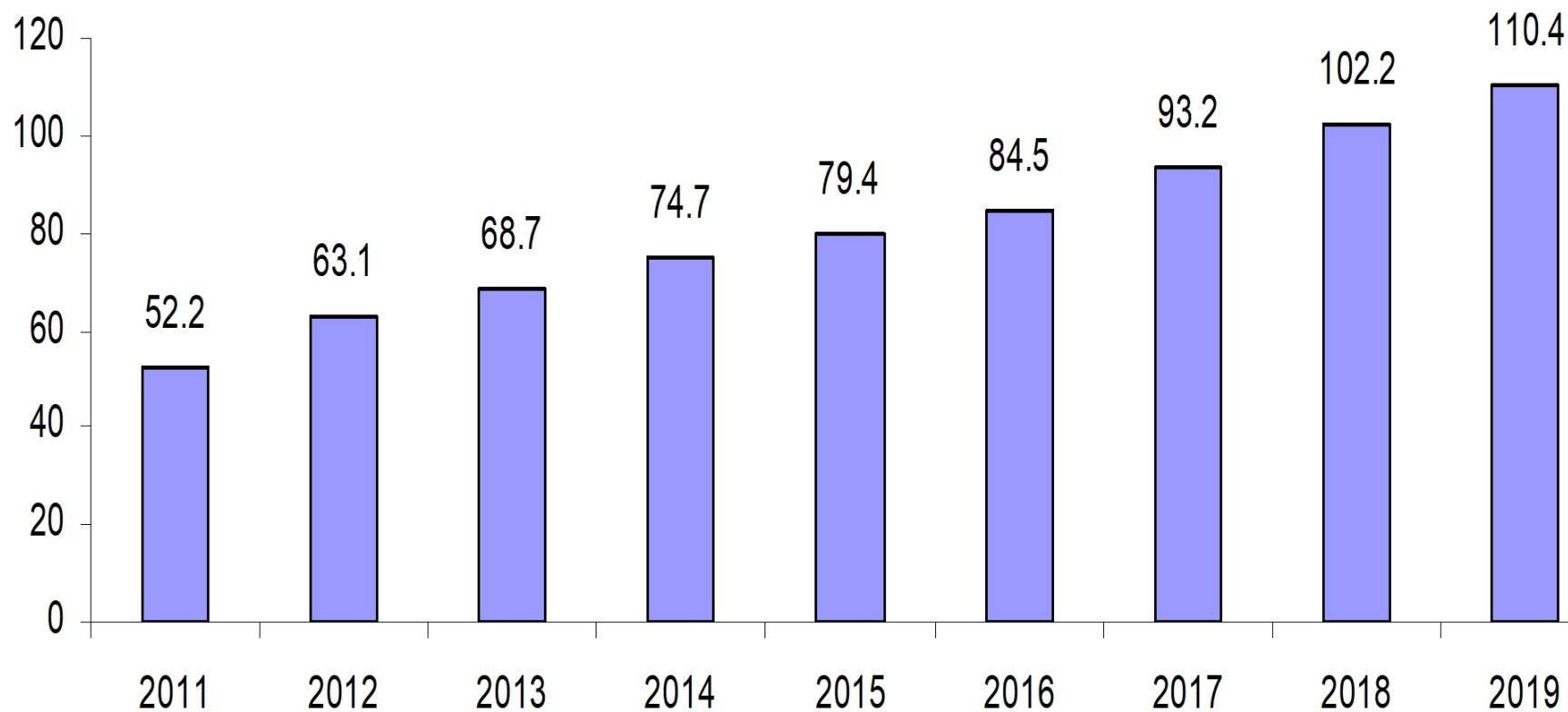
Chỉ số cạnh tranh toàn cầu năm 2019 của ASEAN





Năng suất lao động Việt Nam

Đơn vị tính: triệu đồng





Năng suất lao động Việt Nam

- Bình quân giai đoạn giai đoạn 2011-2015 NSLĐ tăng 4,35%/năm.
- Bình quân giai đoạn giai đoạn 2016-2019, NSLĐ tăng 5,89%/năm.



- Năm 2011, năng suất lao động của Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia lần lượt gấp năng suất lao động của Việt Nam 17,6 lần; 6,3 lần; 2,9 lần và 2,4 lần.
- Năm 2019 năng suất lao động của Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia lần lượt gấp năng suất lao động của Việt Nam 13,7 lần; 5,3 lần; 2,7 lần và 2,2 lần.



6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại.

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả.

NỘI
DUNG

Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến đó chuyển hóa đến mức độ nào thành *lực lượng sản xuất trực tiếp* [Mác t46, p2 tr372]

Phát triển nhanh
công nghiệp và
xây dựng

Đẩy mạnh
CNH, HSH
nông nghiệp,
nông thôn.

Chuyển dịch cơ
cấu lđ, cơ cấu
công nghệ

Phát triển
hợp lý
các vùng
lãnh thổ

Định hướng
CNH, HĐH gắn
với phát triển
kinh tế tri thức

Cải tạo mở rộng,
nâng cấp, xây
dựng mới kết cấu
hạ tầng vật chất
nền kinh tế

Phát triển
nhanh du lịch,
dịch vụ

phát triển
kinh tế biển

Bảo vệ, sử
dụng hiệu
quả tài
nguyên QG,
cải thiện môi
trường



6.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

6.2.1.

Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

6.2.2.

Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

6.2.3.

Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam



6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

Xuất phát từ xu thế khách quan của bối cảnh toàn cầu hóa

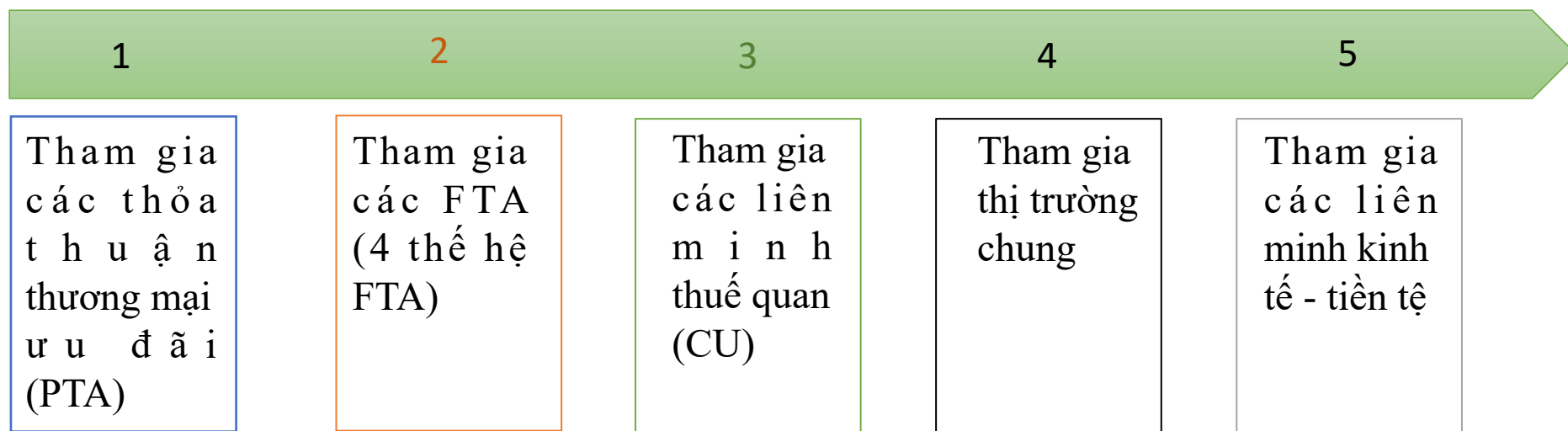
Tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của kinh tế quốc gia.





6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế

CẤP ĐỘ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ





6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

TÍCH CỰC

- Mở rộng thị trường sản xuất, kinh doanh.
- Góp phần chuyển dịch cơ cấu theo hướng hợp lý, hiện đại, hiệu quả.
- Nâng cao trình độ nguồn nhân lực.
- Tiếp cận các nguồn vốn đầu tư quốc tế.
- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ.
- Tạo cơ hội giao lưu, phát triển, hội nhập văn hóa, xã hội.
- Góp phần nâng cao vị thế chính trị của quốc gia.
- Giúp đảm bảo an ninh, quốc phòng, duy trì hòa bình, mở ra khả năng hợp tác giải quyết các vấn đề chung như môi trường, phòng chống tội phạm quốc tế...

TIÊU CỰC

- Gia tăng sự phụ thuộc vào thị trường thế giới khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những biến động khó lường.
- Cạnh tranh bất bình đẳng gây tác động tiêu cực đến doanh nghiệp trong nước.
- Tăng khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội.
- Nguy cơ xói mòn văn hóa dân tộc, truyền thống dân tộc.
- Tạo ra những thách thức mới đối với chính trị, an ninh.
- Nguy cơ ảnh hưởng an ninh như dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia...
- Ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường tự nhiên.



6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam





ĐỀ KIỂM TRA

1. Xuất phát từ vai trò của người lao động? hãy đề xuất phương thức thực hiện lợi ích của mình trong quan hệ lợi ích với người sử dụng sức lao động, với cộng đồng xã hội?
2. Phân tích thời cơ và thách thức khi Việt Nam mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, qua đó hãy đưa ra những định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.



ĐỀ KIỂM TRA

1. Để có nhiều giá trị thặng dư, các nhà sản xuất sử dụng nhiều phương pháp sản xuất giá trị thặng dư khác nhau, hãy làm rõ việc sử dụng những phương pháp này trong bối cảnh Việt Nam và những hệ quả của quá trình này?
2. Phân tích đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn.



ĐỀ KIỂM TRA

1. Hãy chọn một loại hàng hóa và đóng vai người sản xuất ra nó để thảo luận về thuộc tính và chỉ ra tầm quan trọng của hàng hóa đó đối với xã hội? Phân tích trách nhiệm xã hội của mình đối với người tiêu dùng, cảm nhận tác động của quy luật cạnh tranh và đề ra phương án để duy trì vị trí sản xuất của mình trên thị trường?

2. Để có nhiều giá trị thặng dư, các nhà sản xuất sử dụng nhiều phương pháp sản xuất giá trị thặng dư khác nhau, hãy làm rõ việc sử dụng những phương pháp này trong bối cảnh Việt Nam và những hệ quả của quá trình này?



ĐỀ KIỂM TRA

Để có nhiều giá trị thặng dư, các nhà sản xuất sử dụng nhiều phương pháp sản xuất giá trị thặng dư khác nhau, hãy làm rõ việc sử dụng những phương pháp này trong bối cảnh Việt Nam và những hệ quả của quá trình này?



ĐỀ KIỂM TRA

1. Phân tích thời cơ và thách thức khi Việt Nam mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, qua đó hãy đưa ra những định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Để có nhiều giá trị thặng dư, các nhà sản xuất sử dụng nhiều phương pháp sản xuất giá trị thặng dư khác nhau, hãy làm rõ việc sử dụng những phương pháp này trong bối cảnh Việt Nam và những hệ quả của quá trình này?